

Vietnam Daily Review

Biến động trong biên độ hẹp

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 28/8/2020		•	
Tuần 24/8-28/8/2020		•	
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex giằng co quanh mốc tham chiếu trong phần lớn thời gian của phiên ngày hôm nay trước khi tăng nhẹ vào cuối phiên chiều, giúp cho chỉ số đóng cửa tại 874.71 điểm, tương đương với mức tăng 0.14% so với phiên trước đó. Dòng tiền đầu tư tăng trở lại khi có 12/19 nhóm ngành tăng điểm, trong đó ngành Công nghệ Thông tin có mức tăng nổi bật. Bên cạnh đó, khối ngoại đã có phiên bán ròng trên cả 02 sàn HSX và HNX. Mặc dù độ rộng thị trường ở trạng thái tích cực nhưng thanh khoản thị trường giảm nhẹ so với phiên ngày hôm qua cho thấy tâm lý của nhà đầu tư có phần dè dặt hơn sau những phiên tích cực vào đầu tuần. Theo đánh giá của chúng tôi, thị trường nhiều khả năng sẽ tiếp tục tích lũy và có thể kiểm tra ngưỡng kháng cự gần nhất là mức 880 điểm.

Hợp đồng tương lai: Tất cả HĐTL đều tăng điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 820 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 27/8/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về trạng thái. Giá trị giao dịch giảm so với phiên hôm trước.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:
Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Chiến tranh thương mại_2.0%

Phân tích kỹ thuật: GTN_Chạm vùng kháng cự (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index +1.24 điểm, đóng cửa 874.71. HNX-Index +1.03 điểm, đóng cửa 124.92.
- Kéo chỉ số tăng: GVR (+0.47); PLX (+0.42); FPT (+0.36); SAB (+0.3); MWG (+0.2).
- Kéo chỉ số giảm: VHM (-0.75); VIC (-0.38); BID (-0.29); GAS (-0.27); VJC (-0.16).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 4,771 tỷ đồng, -15.17% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 3.78 điểm. Thị trường có 241 mã tăng, 67 mã tham chiếu và 147 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -233.4 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VHM (-122 tỷ), VSC (-73.8 tỷ) và VNM (-37.6 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -6.67 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX 874.71

Giá trị: 4771.74 tỷ 1.24 (0.14%)

Khối ngoại (ròng): -233.4 tỷ

HNX-INDEX 124.92

Giá trị: 467.76 tỷ 1.03 (0.83%)

Khối ngoại (ròng): -6.67 tỷ

UPCOM-INDEX 59.05

Giá trị: 0.32 tỷ 0.53 (0.91%)

Khối ngoại (ròng): -11.31 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	43.3	-0.21%
Giá vàng	1,943	-0.59%
Tỷ giá USD/VND	23,176	0.05%
Tỷ giá EUR/VND	27,476	0.07%
Tỷ giá JPY/VND	21,865	0.04%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	17.71%
LS TPCP 5 năm	1.8%	-0.28%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUEVFVNI	120.1	VHM	-122.0
PLX	48.9	VSC	-73.8
VIC	29.4	VNM	-37.6
NLG	22.7	HPG	-25.4
BVH	4.0	NVL	-21.7
Nguồn: BSC Research			

Mục lục	
Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Chiến tranh thương mại_2.0%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	21/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Chiến tranh thương mại	2.0%	5.0%	21.2%	16.5%	16.5%	0.8%	33.1%
Vật liệu Xây dựng	2.0%	2.5%	16.1%	12.9%	12.9%	10.2%	30.7%
Đầu tư công	1.9%	3.6%	19.1%	15.6%	15.6%	9.1%	31.3%
Xây dựng	1.3%	4.0%	18.6%	15.8%	15.8%	7.0%	32.8%
Stay-at-home	1.1%	6.6%	19.1%	14.5%	14.5%	19.7%	36.8%
Bất động sản & Khu công nghiệp	1.1%	3.6%	15.8%	14.5%	14.5%	1.3%	26.9%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	1.0%	3.8%	14.5%	9.2%	9.2%	-12.3%	35.1%
Hàng tiêu dùng	0.8%	5.4%	15.4%	10.1%	10.1%	1.0%	31.7%
VN Diamond	0.8%	4.4%	13.7%	8.5%	8.5%	-10.7%	33.4%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.8%	4.2%	15.4%	11.1%	11.1%	-6.0%	32.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.7%	3.8%	14.7%	9.2%	9.2%	2.5%	32.6%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.7%	3.0%	12.0%	9.4%	9.4%	-2.9%	29.6%
Lãi suất giảm	0.6%	3.8%	18.9%	14.5%	14.5%	11.0%	34.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.6%	5.7%	14.6%	10.9%	10.9%	13.3%	23.1%
Nước & Năng lượng	0.6%	3.4%	12.5%	13.4%	13.4%	2.0%	28.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.5%	1.7%	10.3%	8.9%	8.9%	-4.5%	30.5%
Bất động sản Khu công nghiệp	0.5%	1.1%	17.1%	19.2%	19.2%	20.1%	33.3%
Ngân Hàng	0.5%	2.7%	15.9%	12.7%	12.7%	2.9%	36.2%
VN FinSelect	0.3%	2.8%	10.8%	5.9%	5.9%	-5.6%	32.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.2%	2.8%	11.0%	6.2%	6.2%	-5.6%	34.0%
Corona Avengers	0.2%	2.4%	14.9%	8.3%	8.3%	4.3%	38.7%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.1%	1.9%	7.2%	5.1%	5.1%	-9.0%	27.2%
FTSE Việt Nam	-0.1%	1.6%	6.1%	4.2%	4.2%	-7.0%	27.3%
Dầu khí	-0.2%	7.1%	20.3%	9.0%	9.0%	-16.7%	42.3%
Cổ phiếu ngành Dược	-0.6%	0.2%	6.5%	13.8%	13.8%	4.2%	23.5%

Mục tiêu	9/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
M22	1.2%	3.9%	13.1%	9.6%	9.6%	3.8%	28.3%
M12	0.9%	3.7%	13.6%	8.6%	8.6%	-3.2%	27.9%
S32	0.8%	4.6%	14.8%	8.4%	8.4%	-12.1%	36.5%
L11	0.7%	3.0%	13.0%	9.0%	9.0%	-3.3%	26.9%
S21	0.5%	2.6%	15.2%	10.9%	10.9%	-4.2%	30.2%
L22	0.5%	3.2%	14.8%	9.5%	9.5%	-7.1%	30.4%
M31	0.4%	3.0%	14.2%	10.2%	10.2%	-4.4%	33.3%
S11	0.4%	2.2%	12.0%	9.9%	9.9%	9.1%	28.3%
L32	0.2%	2.6%	12.4%	7.6%	7.6%	-13.1%	33.5%

Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	1.1%	4.6%	13.5%	8.7%	8.7%	-5.7%	31.0%
LOW1	1.0%	2.9%	12.1%	6.3%	6.3%	-4.6%	28.1%
MID1	1.0%	3.6%	14.3%	13.1%	13.1%	9.1%	28.0%

INDEX							
VNINDEX	0.1%	2.3%	9.6%	6.0%	6.0%	-9.0%	26.7%
VN30INDEX	0.3%	2.6%	10.0%	5.7%	5.7%	-7.3%	28.0%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	21	4	20	5	22	3
Mục tiêu	9	9	0	8	1	9	0
Rủi ro	3	3	0	3	0	3	0

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

Vũ Quốc Khánhhttps://invest.bsc.com.vn/#/loginkhanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 27/8

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	43.24	-0.35%	1.00%	4.70%	-17.73%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	45.63	-0.02%	1.60%	4.60%	-21.12%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	134.52	-1.13%	3.80%	8.90%	-17.27%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1940.18	-0.73%	-0.40%	-0.90%	30.58%		PNJ
Bạc	USD/ounce	27.23	-0.99%	-0.10%	11.60%	51.23%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	927.75	0.38%	2.50%	4.50%	-0.24%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	543.75	0.74%	2.90%	2.50%	7.51%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.73	0.71%	0.70%	-9.90%	15.79%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	172.14	1.55%	4.10%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.60	0.16%	-3.20%	4.90%	-2.25%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	122.20	0.08%	2.70%	8.50%	10.74%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6594.00	1.00%	-1.40%	2.70%	15.15%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	541.14	0.49%	-0.30%	5.60%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1780.00	0.25%	-0.80%	4.20%	1.54%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	119.27	0.40%	-3.20%	13.60%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	50.75	2.53%	-1.50%	-8.70%	-32.91%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Kết thúc phiên giao dịch, dầu Brent giảm nhẹ 22 US cent xuống 45.64 USD/thùng, trong khi dầu Tây Texas (WTI) tăng 4 US cent lên 43.39 USD/thùng.
- Trước cơn bão Laura, xuất khẩu dầu thô của Mỹ trong tuần qua đã tăng mạnh nhất kể từ tháng 2/2019, lên gần 3.4 triệu thùng/ngày, theo Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ.
- Trong khi đó, tồn trữ dầu thô của nước này đã giảm 4.7 triệu thùng trong tuần đến 21/8, nhiều hơn mức dự đoán là giảm 3.7 triệu thùng/ngày.

Giá vàng

- Cuối phiên giao dịch, giá vàng giao ngay tăng 1% lên 1,948.07 USD/ounce, trước đó cùng phiên có lúc giá giảm xuống mức thấp nhất 2 tuần; vàng kỳ hạn tháng 12/2020 tăng 1.5% lên 1,952.5 USD/ounce.
- Giá vàng tăng hơn 1% trong phiên vừa qua do USD giảm trước khi Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) Jerome Powell có bài phát biểu tại hội nghị chuyên đề Jackson Hole vào ngày 27/8. Nhà đầu tư vàng đánh cược rằng Mỹ sẽ có thêm các biện pháp kích thích mới để giảm thiểu tác động của Covid-19.

Giá sắt thép

- Kết thúc phiên giao dịch, thép không gỉ kỳ hạn tháng 10/2020 tăng 1.2% lên 15,165 CNY (2,198.59 USD)/tấn. Đầu phiên có lúc giá đạt 15,200 CNY.
- Giá thép cây trên sàn Thượng Hải giảm 0.5% xuống 3,777 CNY/tấn; thép cuộn cán nóng giảm 0.7% xuống 3,928 CNY/tấn. Trong khi đó, quặng sắt trên sàn Đại Liên giá tăng 0.7% lên 829 CNY/tấn.

Giá cao su

- Trên sàn Osaka, cao su kỳ hạn tháng 2/2020 tăng 2.5 JPY lên 181.5 JPY (1.7 USD)/kg. Đầu phiên có thời điểm giá đạt 181.9 JPY, cao nhất kể từ 27/2.
- Trái với xu hướng giá ở Nhật Bản, giá cao su trên sàn Thượng Hải (kỳ hạn tháng 1/2021) giảm 35 CNY xuống 12,575 CNY (1,825 USD)/tấn, do các nhà đầu tư tranh thủ bán kiếm lời sau khi giá đạt mức cao nhất kể từ 21/1.

Giá nông sản

- Trên sàn London, cà phê robusta kỳ hạn tháng 11 tăng 6 USD (0.4%) lên 1,427 USD/tấn vào cuối phiên, trong phiên có lúc đạt mức cao nhất 8 tháng là 1,444 USD/tấn. Trong phiên vừa qua, arabica kỳ hạn tháng 12 giảm 0.85 US cent (0.7%) xuống 1.221 USD/lb.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 10 giảm 0.18 US cent (1.4%) xuống 12.58 US cent/lb; đường thô giao cùng kỳ hạn cũng giảm 2.8 USD (0.8%) xuống 359.5 USD/tấn.

	27/8	% 27/8	26/8	% 26/8	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	874.71	0.14%	873.47	-0.07%	3.12%	7.54%
S&P 500			3478.73	1.02%	3.08%	7.39%
HĐTL S&P500	3474.00	-0.18%	3480.25	1.08%	2.76%	8.12%
Shang- hai	3350.11	0.61%	3329.74	-1.30%	-0.41%	3.78%
Euro Stoxx	3344.08	-0.38%	3356.76	0.81%	2.14%	1.23%

Phân tích kỹ thuật
GTN_Chạm vùng kháng cự

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Đường MACD xuất hiện Golden Cross
- Chỉ báo RSI: RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua
- Đường MA: EMA 12 nằm trên EMA 26.

Nhận định: GTN vẫn đang ở trong trạng thái tăng giá ngắn hạn, chạm mức kháng cự xung quanh vùng 25.5 được thiết lập vào tháng 7. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây vẫn đang duy trì giá trị ổn định. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đều đang ở trong trạng thái tích cực. Hôm nay, chỉ báo xu hướng MACD xuất hiện Golden Cross đồng thời đường EMA 12 vẫn đang nằm trên EMA 26 nên cổ phiếu có thể duy trì đà tăng trong những phiên tới. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của GTN nằm tại khu vực 23.6. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại xung quanh giá 31.1, cắt lỗ nếu ngưỡng 22.1 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

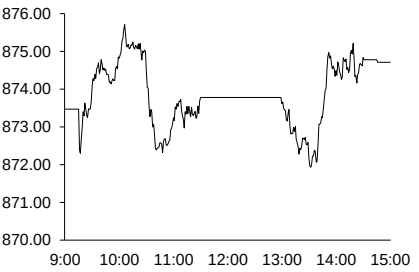
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Du lịch và Giải trí	-0.52%
Y tế	-0.45%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.40%
Bất động sản	-0.22%
Bảo hiểm	-0.05%
Viễn thông	0.00%
Thực phẩm và đồ uống	0.00%
Ngân hàng	0.10%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.15%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.31%
Truyền thông	0.37%
Ô tô và phụ tùng	0.59%
Tài nguyên Cơ bản	0.65%
Dịch vụ tài chính	1.24%
Xây dựng và Vật liệu	1.31%
Bán lẻ	1.59%
Dầu khí	2.20%
Hóa chất	2.31%
Công nghệ Thông tin	2.85%

Hình 1

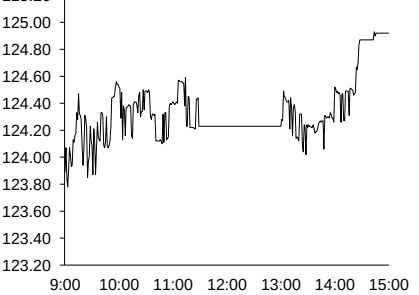
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
8/26/2020	DRC	17.15	18.1	16	17.2	1	0.29%	Có thể tiếp tục mua
8/25/2020	MWG	87.6	103	84	88.9	2	1.48%	Có thể tiếp tục mua
8/24/2020	BVH	46.9	50	44.5	47.6	3	1.49%	Có thể tiếp tục mua
8/21/2020	GVR	11.85	13	11.4	12.35	6	4.22%	Có thể tiếp tục mua
8/20/2020	SHB	13.4	15.4	12.6	13.6	7	1.49%	Có thể tiếp tục mua
8/19/2020	TCB	20.2	21.5	19.2	21.15	8	4.70%	Có thể tiếp tục mua
8/17/2020	VTP	98.4	118.27	93.43	105.9	10	7.62%	Có thể tiếp tục mua
8/12/2020	GAS	71.2	76	69.5	73	15	2.53%	Có thể tiếp tục mua
8/11/2020	ACB	19.55	23.09	18.86	21.5	16	9.97%	Có thể tiếp tục mua
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	44.1	17	-0.68%	Có thể tiếp tục mua
8/6/2020	LCG	8.28	11.2	7.4	9.47	21	14.37%	Có thể tiếp tục mua
8/4/2020	HVN	23.05	27	21.5	24.6	23	6.72%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/3/2020	CTD	70.1	85	66	79.5	24	13.41%	Có thể tiếp tục mua
7/30/2020	VSC	30.9	35	27.5	34.9	28	12.94%	Cần nhắc không mua thêm (**)
7/29/2020	NRC	11.8	15.34	10.08	14.6	29	23.73%	Cần nhắc không mua thêm (**)
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	13.5	57	5.47%	Có thể tiếp tục mua
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	32.4	64	5.57%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/18/2020	HPG	21.93	26.18	19.64	24.3	70	10.81%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	78.5	72	4.81%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/5/2020	VHC	37.2	42	30.5	39.25	83	5.51%	Có thể tiếp tục mua

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

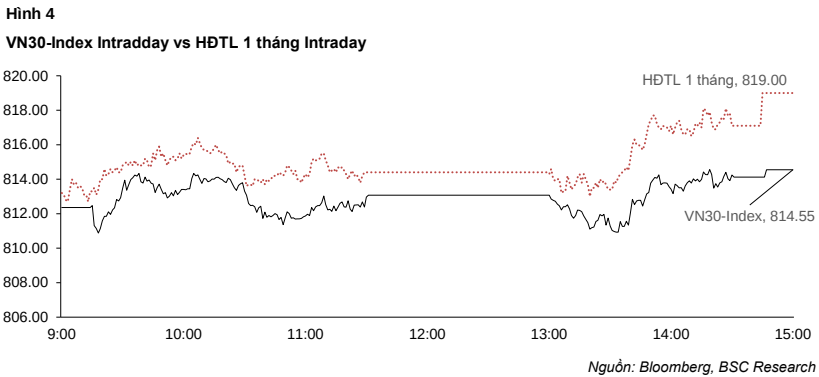
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
8/18/2020	MBB	17	18	16.2	TP	7	5.88%
8/14/2020	DVN	12.3	13.9	11.5	TP	4	13.01%
8/13/2020	PLX	46.6	48.3	44.6	TP	11	3.65%
8/7/2020	C32	22.97	24.72	21.78	TP	17	7.62%
8/5/2020	C4G	8.2	8.6	7.3	TP	1	4.88%
7/31/2020	SNZ	25	27.5	22.5	TP	6	10.00%
7/28/2020	SZC	23.1	25.5	21	TP	2	10.39%
7/27/2020	GIL	18.9	20.5	17.5	TP	4	8.47%
7/24/2020	CII	18	22	17	SL	3	-5.56%
7/23/2020	IDJ	13.3	17	12	SL	4	-9.77%
7/22/2020	HAH	10.95	13	10	SL	5	-8.68%
7/21/2020	TDT	10.2	12	9	SL	10	-11.76%
7/20/2020	HT1	14	16	13.5	SL	4	-3.57%
7/17/2020	BFC	12.5	14	11.5	SL	7	-8.00%
7/16/2020	MPC	27.8	33	26	SL	8	-6.47%

Chú thích:
 Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	19	1	7.22%	-0.68%	6.82%	28
Cổ phiếu đã chốt	17	22	10.55%	-8.34%	-0.10%	14

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2009	819.00	0.71%	4.45	-20.2%	126,361	9/17/2020	21
VN30F2010	815.00	0.80%	0.45	-26.5%	308	10/15/2020	49
VN30F2012	812.10	0.73%	-2.45	-51.8%	54	12/17/2020	112
VN30F2103	811.10	0.36%	-3.45	-20.6%	27	3/18/2021	203

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 2.19 điểm lên mức 814.55 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như FPT, MWG, VPB, VNM và PLX tác động mạnh đến trạng thái tăng của VN30. Chỉ số VN30 biến động quanh mốc tham chiếu, song bật tăng về cuối phiên chiều. VN30 có thể sẽ có những sự điều chỉnh trước khi tăng ngắn hạn trong những phiên tới.
- Tất cả HDTL đều tăng điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số. Xét về khối lượng giao dịch, tất cả các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2009 và VN30F2103 tăng, trong khi VN30F2010 và VN30F2012 giảm. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của chỉ số trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 820 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT2007	10/23/2020	57	5:1	226,690	33.08%	1,690	1,720	13.16%	1,418	1.21	51,950	43,500	49,850
CMWG2009	10/23/2020	57	8:1	315,000	41.22%	1,600	1,330	6.40%	1,259	1.06	94,800	82,000	88,900
CDPM2002	12/16/2020	111	1:1	108,460	42.95%	1,700	3,320	3.43%	1,996	1.66	16,952	15,252	16,000
CSTB2004	11/30/2020	95	3:1	222,730	43.33%	1,400	1,210	1.68%	1,208	1.00	12,400	11,000	11,300
CHPG2006	9/16/2020	20	3:1	157,220	38.44%	1,500	3,850	0.79%	1,237	3.11	25,022	22,022	24,300
CREE2004	10/23/2020	57	3:1	79,770	28.91%	1,570	2,650	0.76%	2,500	1.06	34,210	29,500	36,750
CHPG2011	10/20/2020	54	2:1	153,300	38.44%	2,350	2,700	0.75%	560	4.82	29,900	25,200	24,300
CHPG2002	12/16/2020	111	2:1	185,530	38.44%	1,700	1,690	0.60%	271	6.23	33,399	29,999	24,300
CHPG2013	12/1/2020	96	3:1	29,430	38.44%	6,900	6,800	0.59%	2,199	3.09	30,900	24,000	24,300
CSTB2003	9/16/2020	20	1:1	443,570	43.33%	1,360	620	0.00%	570	1.09	12,471	11,111	11,300
CFPT2003	11/9/2020	74	1:1	22,210	33.08%	7,300	9,890	-0.20%	3,117	3.17	57,300	50,000	49,850
CHPG2005	10/1/2020	35	1:1	62,280	38.44%	2,100	10,810	-0.55%	5,403	2.00	21,100	19,000	24,300
CHDB2006	10/8/2020	42	2:1	93,930	40.21%	2,180	2,210	-0.90%	1,942	1.14	29,060	24,700	28,150
CVRE2007	4/5/2021	221	5:1	251,720	45.32%	1,520	600	-1.64%	414	1.45	40,933	33,333	27,200
CMBB2003	11/9/2020	74	1:1	214,680	36.63%	2,000	1,450	-2.03%	1,211	1.20	20,000	18,000	17,900
CVRE2006	10/29/2020	63	4:1	143,490	45.32%	1,100	1,260	-3.82%	1,207	1.04	27,400	23,000	27,200
CVHM2003	10/29/2020	63	3:1	332,290	38.72%	1,000	1,200	-6.25%	1,059	1.13	80,000	70,000	78,500
CVNM2002	12/16/2020	111	5:1	185,540	33.33%	3,200	800	-6.98%	444	1.80	155,285	139,285	117,200
CVHM2002	11/30/2020	95	1:1	231,300	38.72%	11,500	8,160	-9.13%	7,381	1.11	88,500	77,000	78,500
CHDB2003	12/16/2020	111	2:1	182,600	40.21%	2,700	900	-13.46%	622	1.45	37,523	32,123	28,150
Tổng				3,459,140	38.76%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 27/8/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về trạng thái. Giá trị giao dịch giảm so với phiên hôm trước.
- Về giá, CFPT2006 và CFPT2008 tăng mạnh nhất lần lượt là 21.1% và 16.5%, ở chiều hướng ngược lại, CVHM2004 và CMSN2004 giảm mạnh nhất lần lượt là 22.2% và 16.7%. Thanh khoản thị trường giảm 16.25%. CVHM2002 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 18.51% thị trường.
- Hầu hết chứng quyền đều có giá thị trường cao hơn giá lý thuyết, ngoại trừ CVPB2006 và CVRE2005. CHPG2005 và CREE2004 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CHPG2006 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	88.9	1.8%	1.2	1,750	3.7	8,348	10.6	2.8	49.0%	30.3%
PNJ	Bán lẻ	58.8	-0.3%	1.3	576	1.5	4,629	12.7	2.8	49.0%	23.6%
BVH	Bảo hiểm	47.6	0.0%	1.4	1,536	1.2	1,640	29.0	1.8	28.2%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	33.2	-0.3%	0.4	323	0.0	2,651	12.5	1.1	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	91.0	0.0%	0.8	13,383	1.7	2,255	40.4	3.8	13.8%	9.3%
VRE	Bất động sản	27.2	0.0%	1.1	2,687	2.5	1,057	25.7	2.2	30.6%	8.9%
VHM	Bất động sản	78.5	-1.3%	1.3	11,227	8.1	6,784	11.6	3.8	20.7%	37.0%
DXG	Bất động sản	10.1	-1.0%	1.3	226	2.2	658	15.3	0.8	36.1%	2.9%
SSI	Chứng khoán	15.1	0.3%	1.3	395	2.4	1,718	8.8	0.9	48.7%	10.7%
VCI	Chứng khoán	26.1	7.0%	1.0	186	2.5	4,110	6.3	1.1	29.0%	18.7%
HCM	Chứng khoán	18.8	0.8%	1.7	249	1.4	1,608	11.7	1.3	50.8%	11.5%
FPT	Công nghệ	49.9	3.0%	0.8	1,699	8.0	4,280	11.6	2.6	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	49.2	0.6%	0.4	585	0.1	4,812	10.2	2.6	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	73.0	-0.7%	1.4	6,075	1.6	5,169	14.1	2.7	3.3%	20.5%
PLX	Dầu khí	52.8	2.7%	1.5	2,768	7.5	441	119.7	3.3	14.6%	3.2%
PVS	Dầu khí	12.8	-0.8%	1.5	266	1.6	1,301	9.8	0.5	10.7%	5.0%
BSR	Dầu khí	6.6	-2.9%	0.8	890	0.4	898	7.3	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	105.0	-0.4%	0.5	597	0.1	5,044	20.8	4.3	54.7%	21.2%
DPM	Hóa chất	16.0	0.0%	0.4	272	2.1	1,700	9.4	0.8	11.3%	8.9%
DCM	Hóa chất	9.2	0.7%	0.5	211	0.7	709	12.9	0.8	1.8%	5.8%
VCB	Ngân hàng	83.5	0.0%	1.1	13,465	3.6	4,915	17.0	3.5	23.7%	22.0%
BID	Ngân hàng	39.1	-0.6%	1.3	6,837	1.9	2,132	18.3	2.1	17.7%	12.3%
CTG	Ngân hàng	24.8	0.2%	1.2	4,007	3.3	2,995	8.3	1.1	30.0%	14.6%
VPB	Ngân hàng	23.1	0.9%	1.2	2,448	3.9	4,126	5.6	1.2	23.4%	23.5%
MBB	Ngân hàng	17.9	0.0%	1.0	1,877	2.8	3,497	5.1	1.0	23.0%	20.7%
ACB	Ngân hàng	21.5	1.4%	1.0	2,021	4.5	2,884	7.5	1.5	30.0%	22.6%
BMP	Nhựa	57.0	0.0%	0.9	203	0.2	5,760	9.9	1.8	83.0%	18.9%
NTP	Nhựa	31.0	0.6%	0.4	159	0.1	3,348	9.3	1.4	18.8%	16.0%
MSR	Tài nguyên	14.9	-0.7%	0.3	641	0.0	356	41.9	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	24.3	0.4%	1.2	3,501	9.3	2,632	9.2	1.5	42.8%	18.1%
HSG	Thép	11.7	0.4%	1.6	225	2.7	1,767	6.6	0.8	10.1%	13.6%
VNM	Tiêu dùng	117.2	0.1%	0.8	8,873	4.1	5,538	21.2	6.8	58.6%	33.0%
SAB	Tiêu dùng	183.0	-0.7%	0.8	5,102	0.6	6,328	28.9	6.4	63.2%	23.7%
MSN	Tiêu dùng	53.6	0.2%	1.0	2,738	1.9	3,255	16.5	2.7	38.5%	13.9%
SBT	Tiêu dùng	14.7	-0.3%	0.8	374	1.9	561	26.1	1.2	5.7%	5.1%
ACV	Vận tải	54.8	-0.7%	0.8	5,187	0.4	3,450	15.9	3.3	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	99.6	-1.0%	1.1	2,268	1.2	3,465	28.7	3.5	17.8%	12.4%
HVN	Vận tải	24.6	-0.4%	1.7	1,517	0.5	(3,853)	N/A	3.1	9.2%	-38.4%
GMD	Vận tải	23.5	0.0%	0.9	303	0.5	1,377	17.0	1.2	49.0%	6.7%
PVT	Vận tải	11.2	0.0%	1.2	137	0.5	2,007	5.6	0.7	21.8%	13.8%
VCS	Vật liệu xây dựng	64.6	-0.6%	1.0	436	0.5	8,104	8.0	3.0	3.0%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	22.0	0.7%	0.8	428	1.0	1,363	16.1	1.5	8.0%	9.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.8	6.4%	1.0	262	1.4	1,937	8.2	1.1	6.1%	13.5%
CTD	Xây dựng	79.5	-1.1%	1.1	264	2.4	8,467	9.4	0.7	46.8%	7.9%
CII	Xây dựng	19.0	3.8%	0.3	197	2.6	1,615	11.8	0.9	35.9%	8.0%
REE	Điện	36.8	0.8%	-1.4	495	0.6	4,780	7.7	1.1	49.0%	14.8%
PC1	Điện	19.5	1.6%	-0.4	135	0.7	2,178	9.0	0.8	16.5%	9.9%
POW	Điện	10.1	0.0%	0.6	1,023	1.2	925	10.9	0.8	11.3%	8.0%
NT2	Điện	22.9	0.2%	0.6	286	0.2	2,685	8.5	1.5	18.6%	18.0%
KBC	Khu công nghiệp	14.0	0.4%	0.9	285	0.7	1,242	11.2	0.7	20.7%	6.2%
BCM	Khu công nghiệp	30.1	0%	N/A	1,355	0.1	#N/A	N/A	2.2	2.1%	#VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PLX	52.80	2.72	0.52	3.33MLN
GVR	12.35	3.78	0.51	2.32MLN
FPT	49.85	3.00	0.33	3.72MLN
MWG	88.90	1.83	0.21	955520
PDR	29.50	5.55	0.16	1.48MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-0.96	2.36MLN	1.11MLN
BID	0.00	-0.29	1.10MLN	607060
GAS	0.00	-0.27	501290.00	373600
SAB	0.00	-0.22	76590.00	192700
VJC	0.00	-0.16	276490	611640

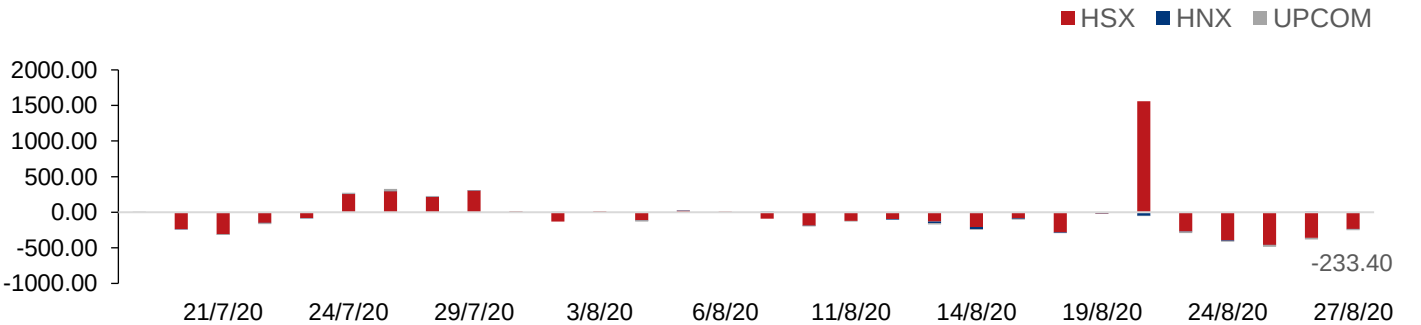
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCI	26.05	6.98	0.08	2.28MLN
DXV	3.22	6.98	0.00	17710
PTL	8.28	6.98	0.02	617800
DTL	10.75	6.97	0.01	10
TAC	55.30	6.96	0.04	234300

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TBC	24.00	-8.75	-0.04	11950
DAT	44.95	-6.94	-0.04	80
VID	10.25	-6.82	-0.01	10030.00
SAV	12.60	-6.67	0.00	115450
TNC	21.50	-6.52	-0.01	900

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	88.9	8,348	10.6	2.8	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.2	885	9.3	0.7	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	39.3	5,465	7.2	1.4	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.6	1,948	12.6	1.8	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	24.3	2,632	9.2	1.5	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	27.6	3,314	8.3	1.3	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	23.1	4,126	5.6	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	47.0	9,642	4.9	1.3	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	53.6	3,255	16.5	2.7	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	39.1	4,666	8.4	1.6	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	11.7	1,767	6.6	0.8	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	44.1	5,479	8.0	2.2	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	27.7	1,902	14.5	2.3	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	24.3	2,632	9.2	1.5	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	21.2	3,103	6.8	1.1	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	58.8	4,629	12.7	2.8	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	105.9	4,105	25.8	9.1	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	10.1	658	15.3	0.8	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	21.1	1,721	12.3	1.2	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	23.0	7,132	3.2	1.3	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	24.1	5,224	4.6	1.1	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	49.0	4,739	10.3	2.1	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	83.5	4,915	17.0	3.5	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	21.5	2,884	7.5	1.5	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	39.3	5,465	7.2	1.4	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	58.9	5,872	10.0	2.7	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	49.9	4,280	11.6	2.6	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	23.5	1,377	17.0	1.2	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	14.0	1,242	11.2	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	183.0	6,328	28.9	6.4	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.6	1,948	12.6	1.8	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	117.2	5,538	21.2	6.8	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.7	1,407	9.0	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	88.9	8,348	10.6	2.8	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	17.2	2,088	8.2	1.2	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	105.0	5,044	20.8	4.3	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	11.2	2,007	5.6	0.7	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	58.8	4,629	12.7	2.8	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	36.6	4,313	8.5	1.7	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	214.4	14,782	14.5	5.9	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
3	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
4	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
7	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
8	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
10	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
11	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
12	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
15	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
16	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
17	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
18	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
21	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
22	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
23	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
25	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
26	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
28	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
29	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
30	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
31	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
32	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
34	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 02.2019	x		Click
36	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1	x		Click
37	BSC_Vietnam Sector Outlook_2019_VN		x	Click
38	20190110_BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN		x	Click
39	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	x		Click
40	Vĩ mô 2018M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VNM 2020Q3	7/8/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 125100 ; Giá tại Publish 114800 Định giá: BSC khuyến nghị Theo dõi VNM với giá mục tiêu là 125,100 đồng , upside 9% so với giá đóng cửa 06/08/2020 là 114,800 vnd/cp. Định giá dựa theo 2 phương pháp DCF và PE với PE mục tiêu là 21x.
Express PLC 2020Q3	6/8/20	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 21500 ; Giá tại Publish 17200 Cập nhật KQKD: Trong Q2/2020, PLC đã ghi nhận DTT và LNST lần lượt ở mức 1,188 tỷ VND (-22% yoy) và 57 tỷ VND (+46% yoy). Về doanh thu, mảng dầu mỡ nhờn +3.8% yoy, mảng nhựa đường +15.5% yoy. Trong thời gian tới, PLC có nhiều dự án được kỳ vọng sẽ đóng góp thêm vào mảng nhựa đường như (1) Cam Lộ La Sơn, (2) Trung Lương Mỹ Thuận, (3) Bến Lức Long Thành và 2 dự án sân bay Nội Bài và Tân Sơn Nhất. Dự báo KQKD: Dự kiến: doanh thu đạt 95% kế hoạch và lợi nhuận đạt 100% kế hoạch, tương ứng DT đạt 1,663 tỷ (+18.5% YoY) và LNTT đạt 260 tỷ (+28% YoY).
Express IMP 2020Q3	28/7/20	Cập nhật KQKD Trong Q2, T4 và T5 giảm nhẹ, T6 phục hồi trở lại (+ 198% YoY). Tuy nhiên, diễn biến dịch tại Đà Nẵng khiến tình hình kém khả quan hơn (do người dân sợ đến bệnh viện).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Khách hàng tổ chức
Vũ Thanh Phong

Chức vụ
Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email
phongvt@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
Bùi Huy Hiệp

Chức vụ
Phụ trách Trung tâm tư vấn i-Center

Địa chỉ email
hiepbh@bsc.com.vn